

HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI BÀO CHỮA VỀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TĂNG VĂN HOÀNG*
NGUYỄN ANH HOÀNG**

Quyền bào chữa của người bị buộc tội có mối quan hệ chặt chẽ với người bào chữa bởi vì người bào chữa có vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội; góp phần cùng với cơ quan tiến hành tố tụng tìm ra sự thật khách quan của vụ án; khắc phục tình trạng truy tố, kết án oan. Bài viết phân tích, làm rõ khái niệm về người bào chữa, người bị buộc tội, nêu quy định một số quyền của người bào chữa và người bị buộc tội trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cho phù hợp với thực tiễn.

Từ khóa: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; người bào chữa; người bị buộc tội; tố tụng hình sự. The right to defend of the accused is closely connected with defense lawyers since they play a crucial role in protecting the legal rights and interests of the accused, contribute together with judicial authorities to uncovering the objective truth of the case, and preventing wrongful prosecution and conviction. This article analyzes and clarifies the concepts of defense lawyers and the accused, outlining a number of rights of defense lawyers and accused persons in criminal proceedings. On that basis, it is recommended to amend and supplement some provisions of the 2015 Criminal Procedure Code to suit the reality.

Keywords: Protecting legal rights and interests; defense lawyers; the accused; criminal proceedings.

NGÀY NHẬN: 12/6/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/7/2024 NGÀY DUYỆT: 19/8/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.343.2024.928>

1. Đặt vấn đề

Hoạt động bào chữa được thể hiện tập trung, đầy đủ nhất ở giai đoạn xét xử, đặc biệt là xét xử sơ thẩm. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là nền tảng để thực hiện hoạt động bào chữa, bảo đảm quyền bào chữa của các đương sự trong vụ án. Trong đó, vai trò của người bào chữa đối với người bị buộc tội là rất quan trọng, góp phần bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội, bảo vệ công lý, bảo đảm giải quyết vụ án một cách khách

quan và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm trật tự pháp luật.

2. Người bào chữa và người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, về người bào chữa.

Tại khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa

* NCS của Trường Đại học Luật Hà Nội

** NCS của Trường Đại học Luật Hà Nội

hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa”. Khái niệm về người bào chữa, theo tố tụng hình sự Việt Nam có những đặc điểm cụ thể, chuyên biệt cần phải xem xét dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Trong một nghiên cứu: “Người bào chữa là người tham gia tố tụng với mục đích làm sáng tỏ những tình tiết liên quan đến sự thật của vụ án nhằm chứng minh về sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và giúp bị can, bị cáo về mặt pháp lý cần thiết”¹. Một quan điểm khác cho rằng: “Người bào chữa trong tố tụng hình sự là người tham gia tố tụng để chứng minh sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, đồng thời thông qua đó góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa”².

Thứ hai, về người bị buộc tội.

Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Trong đó, pháp luật hiện hành không định nghĩa thế nào là người bị bắt, tuy nhiên trên thực tế, người bị bắt là người có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội, bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bắt giữ theo quy định pháp luật. Thuật ngữ “người bị buộc tội” lần đầu tiên xuất hiện trong Điều 31 *Hiến pháp* năm 2013. Để cụ thể hóa quy định về người bị buộc tội trong *Hiến pháp* năm 2013, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 đã có nhiều quy định cụ thể liên quan trực tiếp đến người bị buộc tội, trong đó có việc giải thích thuật ngữ “người bị buộc tội” và xác định các quyền, nghĩa vụ của người bị buộc tội.

Điểm d khoản 1 Điều 4 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 đã đưa ra khái niệm về người bị buộc tội như sau: “Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo”. Có thể thấy, nội hàm của khái niệm người bị buộc tội mới chỉ dừng lại ở hình

thức liệt kê với tư cách là các chủ thể tham gia tố tụng hình sự mà chưa làm rõ được một cách khái quát nội dung về các thành tố tạo nên chủ thể đó. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu và tìm ra một khái niệm thống nhất về người bị buộc tội để có cơ sở xác định chính xác địa vị pháp lý của họ.

Từ lý do trên, có thể hiểu: người bị buộc tội là người hoặc pháp nhân thương mại mà cơ quan, người có thẩm quyền, bằng quyết định tố tụng, xác lập tư cách của họ là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự khi có căn cứ cho rằng, họ đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội.

3. Quy định pháp luật về quyền của người bào chữa và người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

a. Quy định pháp luật về quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự

Nhằm bảo đảm cho người bào chữa thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của mình, bảo đảm sự công bằng, dân chủ và khách quan trong tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định cụ thể quyền của người bào chữa như: “gặp, hỏi người bị buộc tội; có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt... định giá lại tài sản; đọc, ghi chép... quyết định của tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất theo quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự*.”

Như vậy, so với *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2003, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 đã bổ sung một số quy định mới về quyền và cơ chế bảo đảm cho người bào chữa thực hiện tốt các quyền đó, cụ thể như sau:

(1) Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.

(2) Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.

(3) Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự*.

(4) Đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; thu thập chứng cứ, kiểm tra, đánh giá, trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá.

Về thời điểm người bào chữa được tham gia tố tụng, Điều 74 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định như sau: “Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì viện trưởng viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra”. Quy định này được coi là một điểm mới của *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, cho phép người bào chữa không chỉ tham gia từ khi khởi tố bị can mà còn tham gia từ khi khởi tố vụ án. Theo đó, người bị buộc tội có thể thực hiện quyền bào chữa bất cứ thời điểm nào hoặc giai đoạn nào để người bào chữa giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Từ quy định của *Hiến pháp* năm 2013 có thể khẳng định, người bào chữa có vai trò rất quan trọng và là chủ thể không thể thiếu trong hoạt động tố tụng hình sự. Vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự cần phải có những quy định rõ ràng, cụ thể về quyền và nghĩa vụ của

người bào chữa, bảo đảm cho chủ thể này thực hiện đúng chức năng, vai trò của mình.

b. Quy định pháp luật về quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Theo quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, tất cả người bị buộc tội đều có quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 76 có quy định về việc chỉ định người bào chữa:

“Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ:

(1) Bị can, bị cáo về tội mà *Bộ luật Hình sự* quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình;

(2) Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi”.

Với quy định này có thể thấy, ngoài quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa thì người bị buộc tội còn có quyền được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa cho họ trong những trường hợp luật định. Để quyền bào chữa của người bị buộc tội được bảo đảm, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 đã quy định cụ thể tại Điều 57, 58, 59, 60, 61, 73.

Tại Điều 16 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội: “Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của *Bộ luật* này”. Như vậy, quyền bào chữa được bảo đảm thể hiện là người bị buộc tội được: bảo đảm quyền tự bào chữa, bảo đảm quyền nhờ người bào

chữa và bảo đảm thông qua việc chỉ định người bào chữa (quyền có người bào chữa). Còn chủ thể của quyền bào chữa là người bị buộc tội, vậy tức là bao gồm người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Chính vì vậy, quyền bào chữa xuất hiện từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người, có quyết định tạm giữ hay khi có quyết định khởi tố bị can và kết thúc khi vụ án được đưa ra xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong một số trường hợp vụ án bị đình chỉ khi không có căn cứ buộc tội thì chức năng bào chữa sẽ kết thúc sớm. Như vậy, người bị buộc tội trên cơ sở các quyền mà pháp luật quy định để bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội, nhằm gỡ tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong các giai đoạn tố tụng.

4. Những bất cập, vướng mắc

Thứ nhất, trong thực tế hiện nay, tỷ lệ người bào chữa mà chủ yếu là đội ngũ luật sư tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo hay bảo vệ cho bị hại trong các vụ án hình sự vẫn còn rất thấp. Thực tế cần phải được thừa nhận là đội ngũ luật sư Việt Nam hiện nay đã và đang tham gia vào các vụ án hình sự với số vụ án rất ít ỏi so với các vụ án hình sự đã được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

Thứ hai, nhận thức của các chủ thể tiến hành tố tụng cũng chưa thực sự đề cao việc phải bảo đảm thực thi đúng đắn nhất quyền hiến định về bào chữa. Có thể dễ nhận thấy điều này khi những người bị tình nghi, bị buộc tội ngay từ lúc đầu đã không được giải thích đầy đủ quyền của mình, như: có quyền im lặng, có quyền tự bào chữa, có quyền nhờ người bào chữa và cần phải được đáp ứng ngay tức khắc..., trước khi tiến hành các bước tiếp theo của quy trình tố tụng khách quan.

Thứ ba, theo quy định về thủ tục đăng ký bào chữa tại Điều 78 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định việc đăng ký bào chữa

một cách rõ ràng và cụ thể, tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn những vướng mắc, bất cập, cụ thể: quy định khi đăng ký bào chữa, người bào chữa phải xuất trình nhiều các loại giấy tờ: luật sư xuất trình Thẻ Luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy yêu cầu luật sư của người bị buộc tội hoặc của người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội.

Thứ tư, tại khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, việc người bào chữa có mặt khi lấy lời khai, hỏi cung và nếu điều tra viên đồng ý thì mới được hỏi người bị tạm giữ, bị can là quy định chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa, đồng thời có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng của việc lấy lời khai, hỏi cung.

5. Hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động của người bào chữa trong việc bảo vệ quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Một là, cần bổ sung cho bị can, bị cáo quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ và quyền được đề nghị gặp riêng người bào chữa để bị can, bị cáo thực hiện tốt quyền bào chữa của mình khi họ không đủ điều kiện để nhờ người khác bào chữa, các nhà làm luật cần nghiên cứu bổ sung thêm quyền “đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ” vào Điều 60, 61 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

Hai là, quy định cụ thể quyền được đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra tại các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm tạo điều kiện cho người bào chữa, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể và có thể sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 232 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 theo hướng sau: “Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho người chữa hồ sơ vụ án đã được chuyển sang Viện kiểm sát, quyền đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra sẽ do Viện Kiểm sát bảo đảm cung cấp”.

Pháp luật hiện nay chưa có một chế tài nào cũng như chưa có quy định về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, cá nhân, tổ chức khác có hành vi cản trở, gây khó khăn cho hoạt động của luật sư hoặc các hành vi cố tình che giấu, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ của các cá nhân, tổ chức khi luật sư bào chữa vụ án liên quan có yêu cầu. Cần được coi đó là những hành vi vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự để có chế tài xử lý. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung các quy định về chế tài đối với những cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cản trở, gây khó khăn khi luật sư thực hiện các quyền để bào chữa cho bị cáo bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được kịp thời, nhanh chóng, khách quan và đúng pháp luật, tránh trường hợp dẫn đến oan, sai trong tố tụng hình sự.

Ba là, cần quy định chi tiết, cụ thể về quyền “gặp, hỏi người bị buộc tội” tại điểm a khoản 1 Điều 73 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015. Quy định chung chung này đã gây không ít khó khăn cho hoạt động gặp, hỏi trao đổi với người bị buộc tội của luật sư. Chưa có quy định hướng dẫn về hoạt động gặp, hỏi này được thực hiện theo trình tự, thủ tục hay quy định nào. Ví dụ: quy định về thời gian, trình tự, thủ tục luật sư gặp người bị buộc tội, việc gặp này là gặp riêng hay có sự giám sát của cán bộ tư pháp và quy định về bảo đảm bí mật thông tin trao đổi giữa luật sư và người bị buộc tội không?

Chính việc chưa có quy định nào về hoạt động này đã gây khó khăn cho luật sư khi thực hiện gặp mặt đối với những người bị buộc tội đang bị tạm giam, tạm giữ theo đúng trình tự của tố tụng. Khi tham khảo pháp luật ở một số nước phát triển cho thấy, việc gặp gỡ giữa luật sư và người bị buộc tội được tổ chức gặp riêng để bảo đảm bí mật thông tin trao đổi và có quy định về trình tự, thủ tục rõ ràng.

Bốn là, sửa đổi quy định về sự có mặt của luật sư bào chữa tại phiên tòa. Tại quy định

Điều 291 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015: “... Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử”. Việc quy định này là không phù hợp, mở phiên tòa trong trường hợp này sẽ không bảo đảm được quyền bào chữa cho bị cáo cũng như sẽ không bảo đảm được giải quyết khách quan của vụ án. Vì vậy, cần quy định luật sư vắng mặt lần thứ hai mà có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan thì tòa án quyết định hoãn phiên tòa, trường hợp nếu luật sư đã gửi trước bản bào chữa và bị cáo đồng ý thì tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử bình thường. Có thể sửa quy định trên như sau: “... Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa và triệu tập lần thứ hai. Nếu người bào chữa vắng mặt lần thứ hai cũng vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì tòa án vẫn tiếp tục hoãn phiên tòa. Trường hợp vắng mặt lần thứ hai mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nhưng người bào chữa đã gửi bản bào chữa thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử” □

Chú thích:

1. Võ Khánh Vinh (2024). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*. H. NXB Công an nhân dân, tr. 128 - 129.

2. Trần Văn Bảy (2006). *Người bào chữa và vấn đề bảo đảm quyền của người bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam*. Tài liệu hội thảo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam).

Tài liệu tham khảo:

- Quốc hội (2013). *Hiến pháp* năm 2013.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.
- Những bất cập, vướng mắc gây khó khăn cho hoạt động hành nghề Luật sư cần sửa đổi, bổ sung trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. <https://lsvn.vn>, ngày 15/8/2023.